

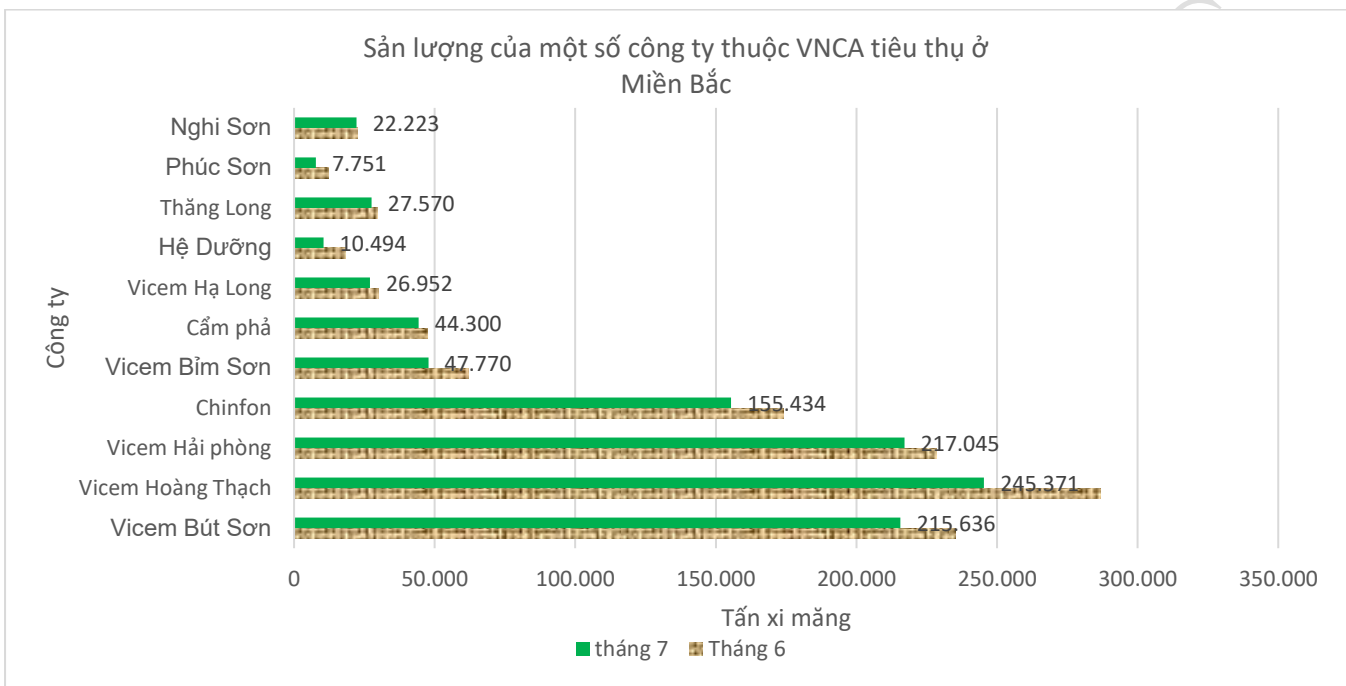
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 7/2022

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

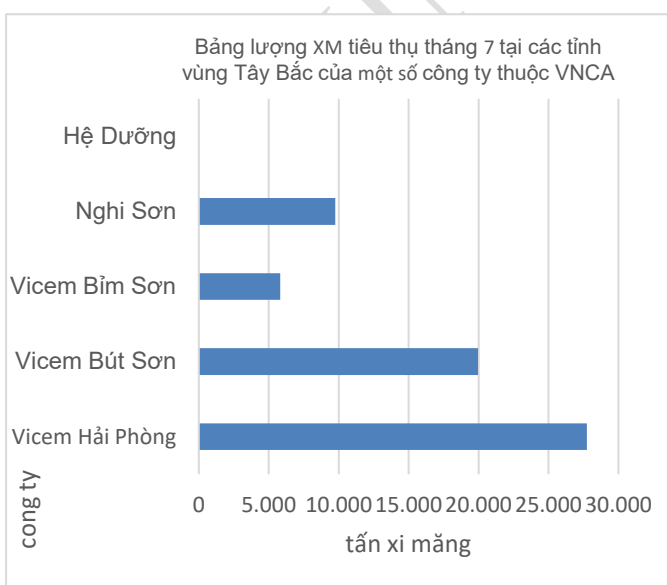
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 7/2022 là: 1.772.375 tấn (tháng 6 là 1.937.740 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 7/2022 như sau:

VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.510
- XM Thăng Long PCB 40 1.510
- XM Phúc Sơn: 1.500
- XM Long Sơn 1.480

7. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.600 - Hoàng Thạch: 1.660

- XM Cẩm phả PCB 40	1.580	- XM Phúc Sơn:	1.520
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.580

- XM Chin Fon:	1.540	- XM Bút Sơn:	1.550
-XM Phúc Sơn:	1.465		

9. Tai Thanh Hoá:

- XM Bỉm Sơn: 1.490
- XM Nghi Sơn PCB 40 1.390
- XM Hoàng Mai 1.450
- XM Tam Điệp: 1.410

10. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.400 - XM Hệ Dưỡng: 1.250 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.400

11. Tai Nam Định: -XM Hoàng Thạch: 1.590 XM Cẩm phả: 1.470

- XM Bỉm Sơn: 1.670
- XM Long Sơn: 1.485
- XM Chin Fon 1.590

12. Tai Thái Bình:

- XM Xuân Thành: 1.510
- XM Chin Fon: 1.570
- XM Thăng Long: 1.500
- XM Long Sơn: 1.485
- XM Cẩm phả: 1.480

13. Tai Hà Nội:

- XM Chin Fon: 1.540
- XM Hoàng Thạch: 1.610
- XM Phúc Sơn: 1.510
- XM Bỉm Sơn: 1600
- XM Tam Điệp: 1590
- XM Bút Sơn: 1590
- Long Sơn: 1.370
- XM Thăng Long PCB 40: 1.530
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.570
- XM Cẩm Phả: 1.540

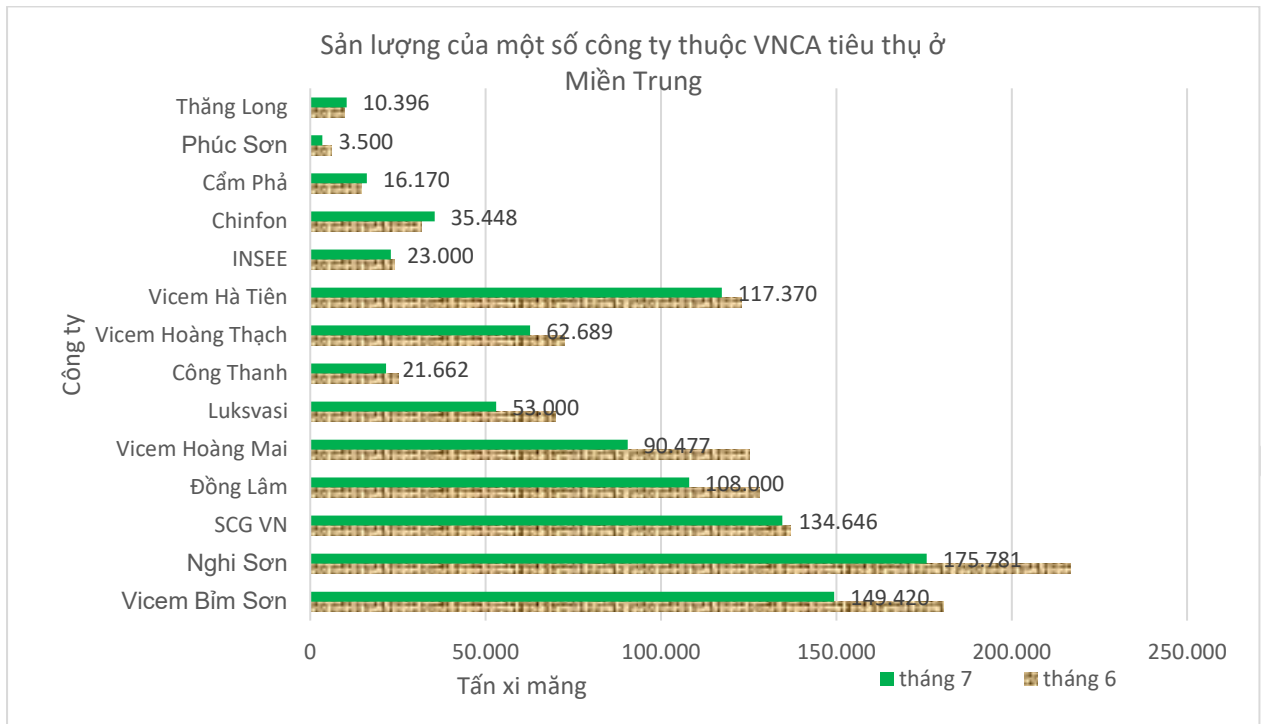
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.640 XM Long Sơn: 1.490

- XM Hải phòng: 1.690
- XM Phúc Sơn: 1.480

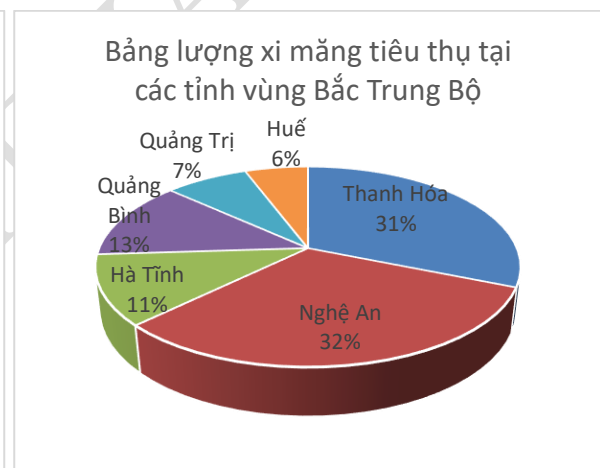
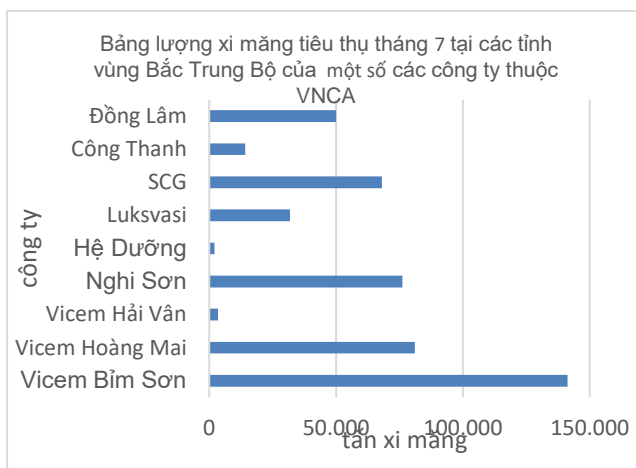
II. Thị trường xi măng miền Trung:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 7/2022: 1.470.434 tấn (tháng 6 là 1.651.275 tấn).

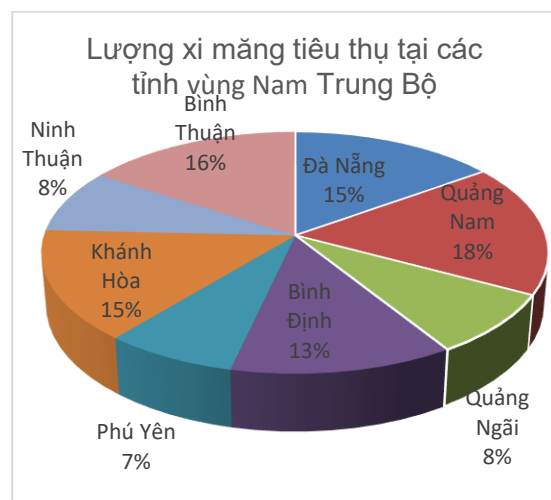
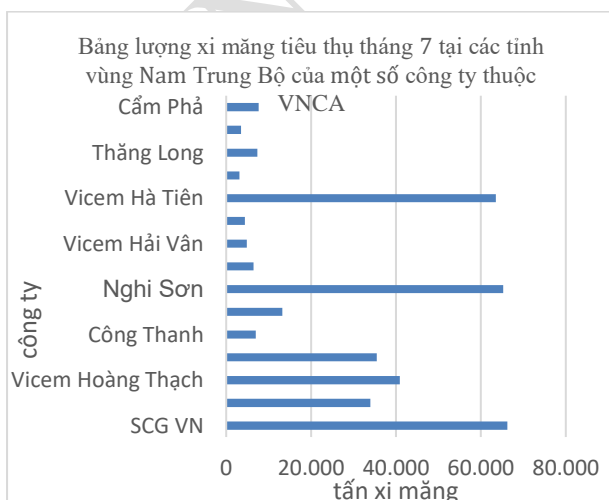
Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



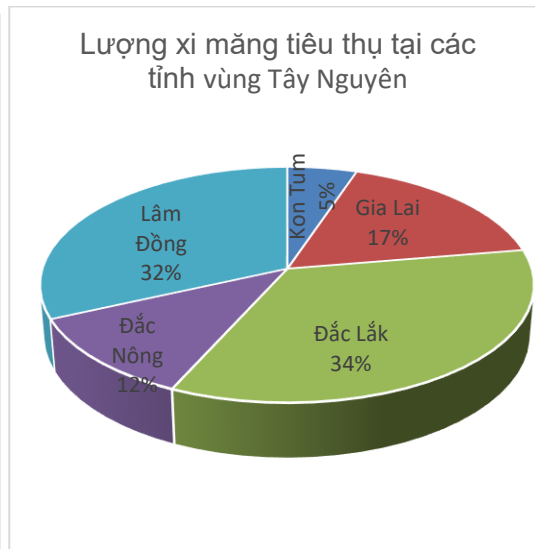
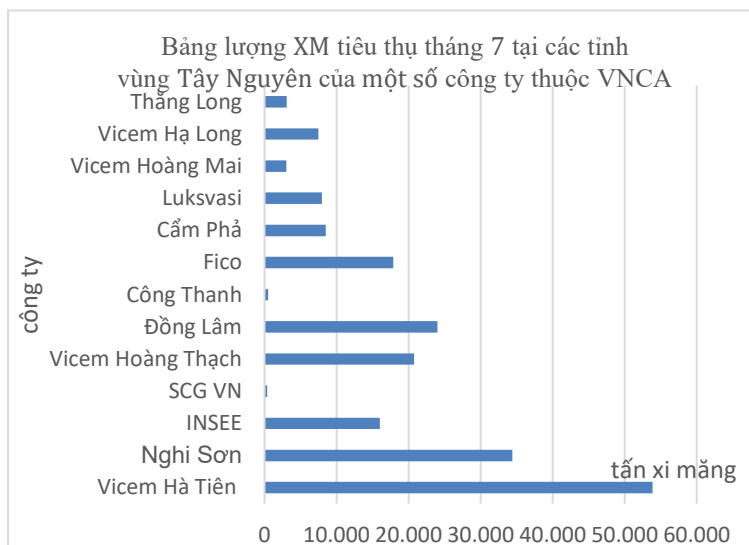
Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 7/2022 như sau:
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.300
- XM Bỉm Sơn: 1.500
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.510

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM Sông Gianh: 1.460
- XM Luks VN PCB 40: 1.400
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.500

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:** - XM Sông Gianh: 1.720 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.650

- XM Long Sơn: 1.640
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.700
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.690
- XM Đồng Lâm: 1.620
- XM luks VN PCB 40: 1.690
- ChinFon: 1.770

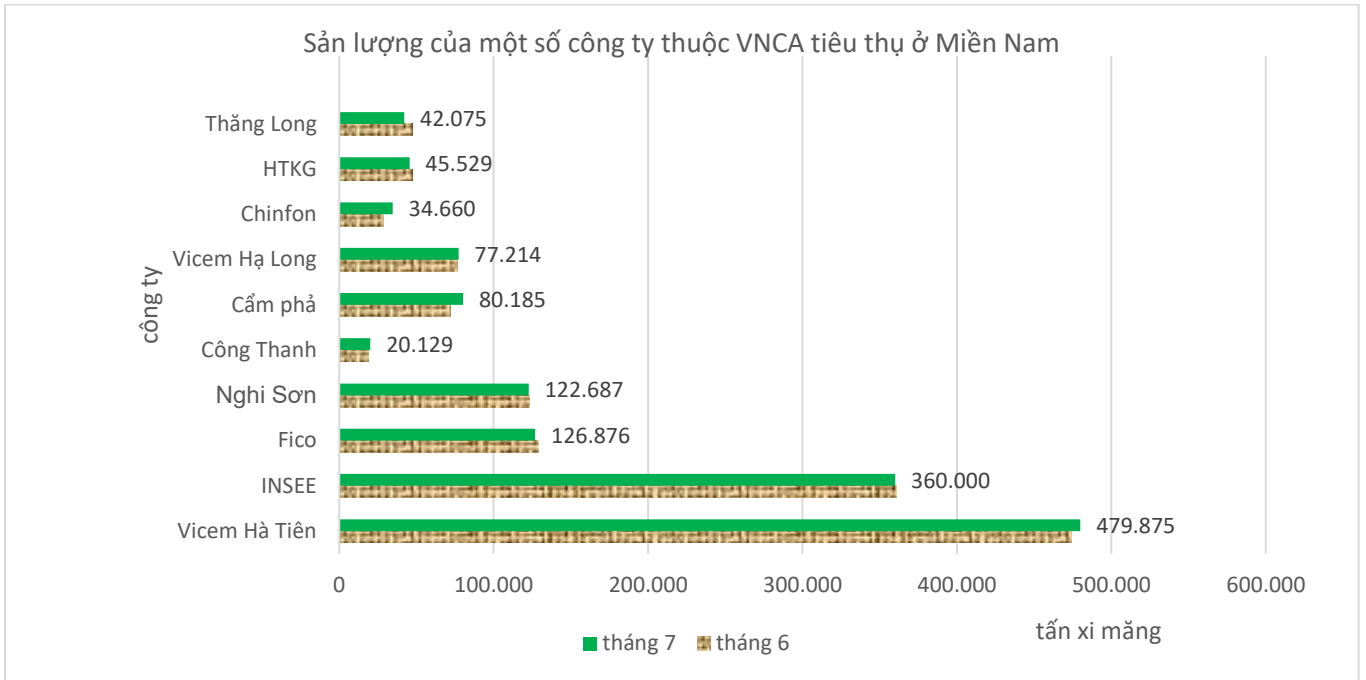
*** Giá XM tại Gia lai, Đắc lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.980

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 2.080
- XM Thăng Long 1.900
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.940

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

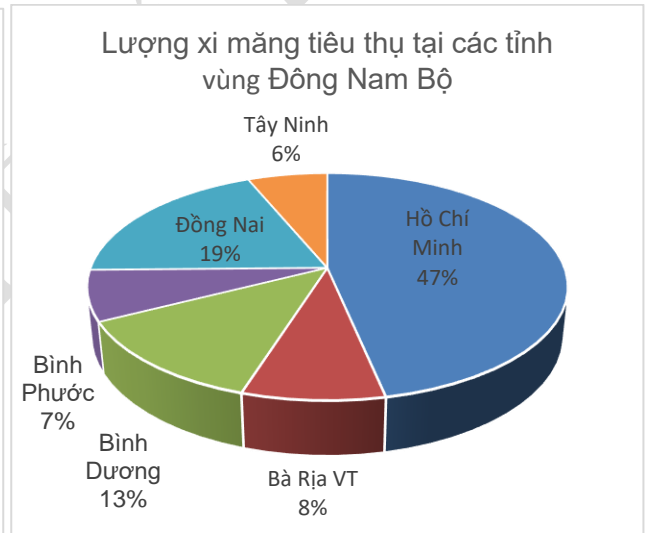
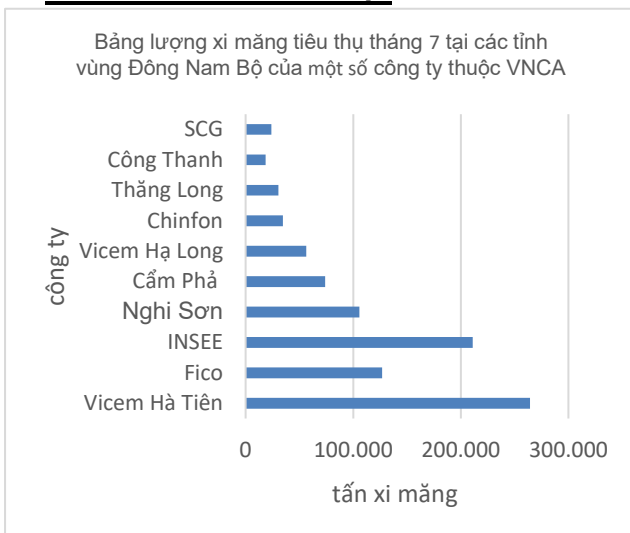
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.956.926 tấn (tháng 6 là 2.001.139 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

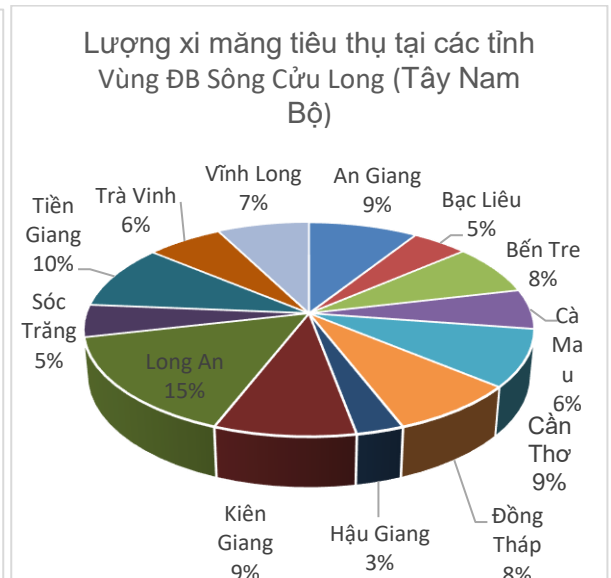
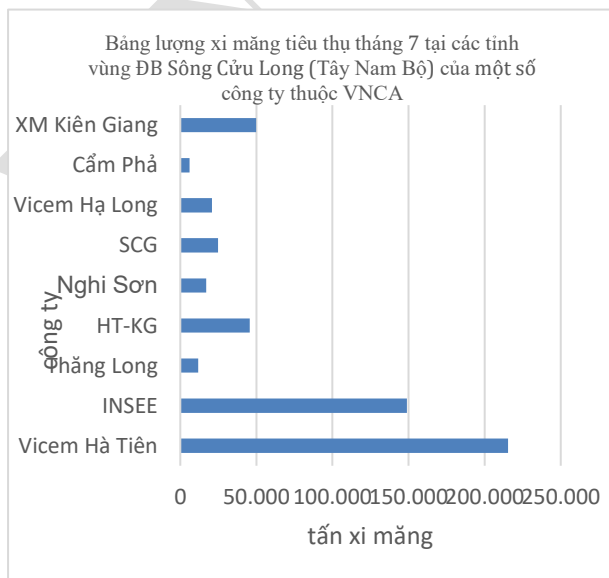


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 7/2022 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 2.040; XM Starcem: 1.810
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.800 - XM FICO: 1.850
- XM ChinFon :1.760 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.890 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.800 - XM Công Thanh: 1.750 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.840 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.700
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.594; PCB 50 xá: 1.653
- XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.860
- INSEE: 1.860 - Starcem: 1.840

*** Giá xi măng tại Kiên Giang: - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.860**

XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.400 PCB 40: 1.500

XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.700

Nhận xét chung thị trường nội địa:

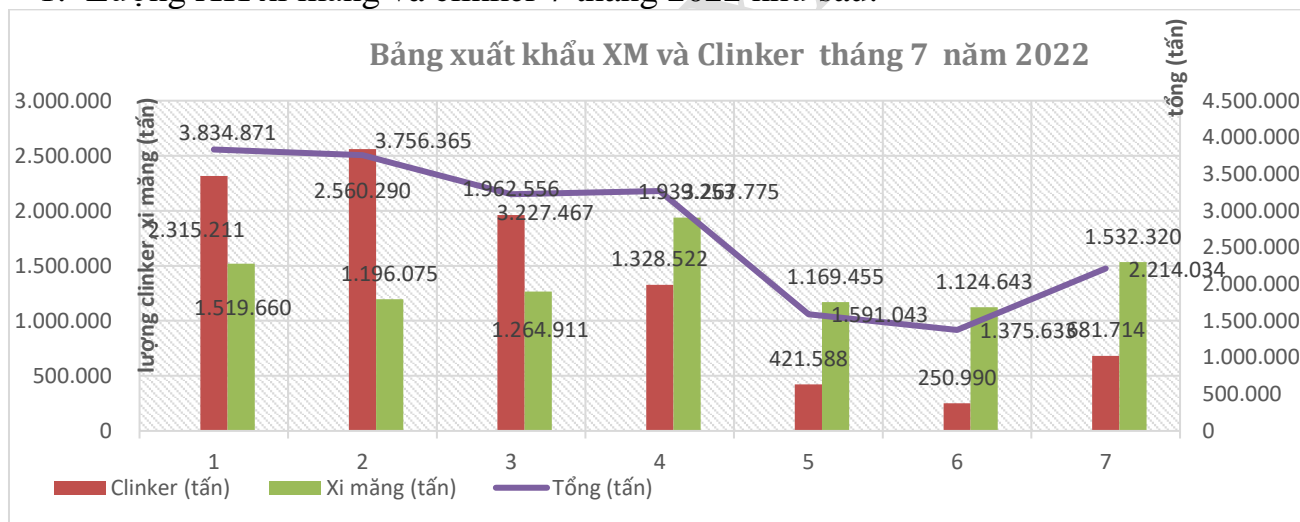
Về tiêu thụ xi măng: giảm so với tháng 6

Về giá bán xi măng: các nhà máy xi măng đang cầm cự bán ở mức giá tháng 6 trước bối cảnh giá các nguyên liệu đầu vào liên tục tăng đặc biệt là giá than.

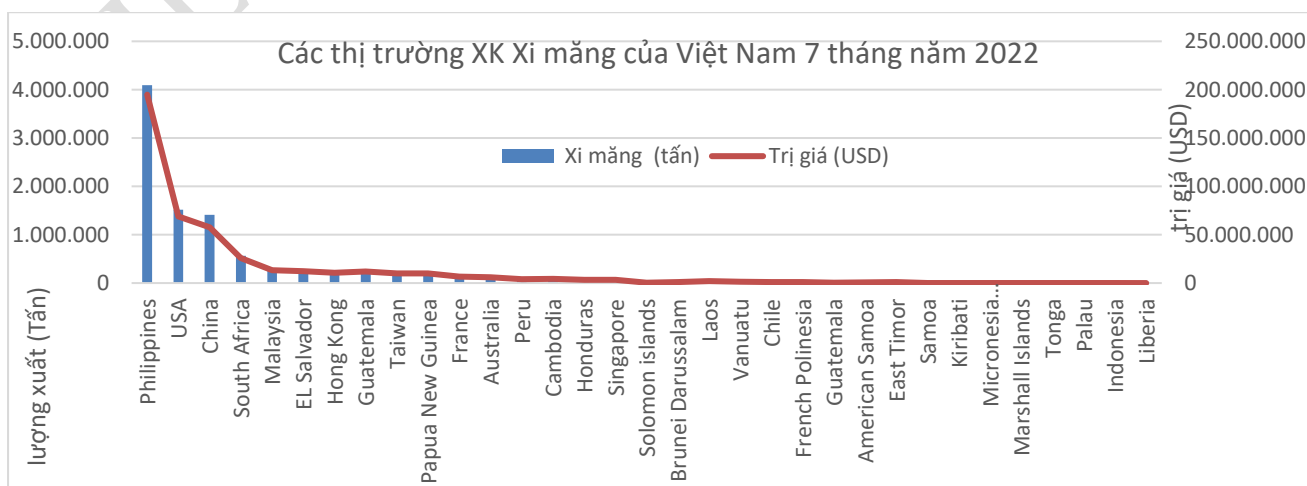
Tồn kho cuối tháng 7: Xi măng: 1,9 triệu tấn; clinker: 4 triệu tấn.

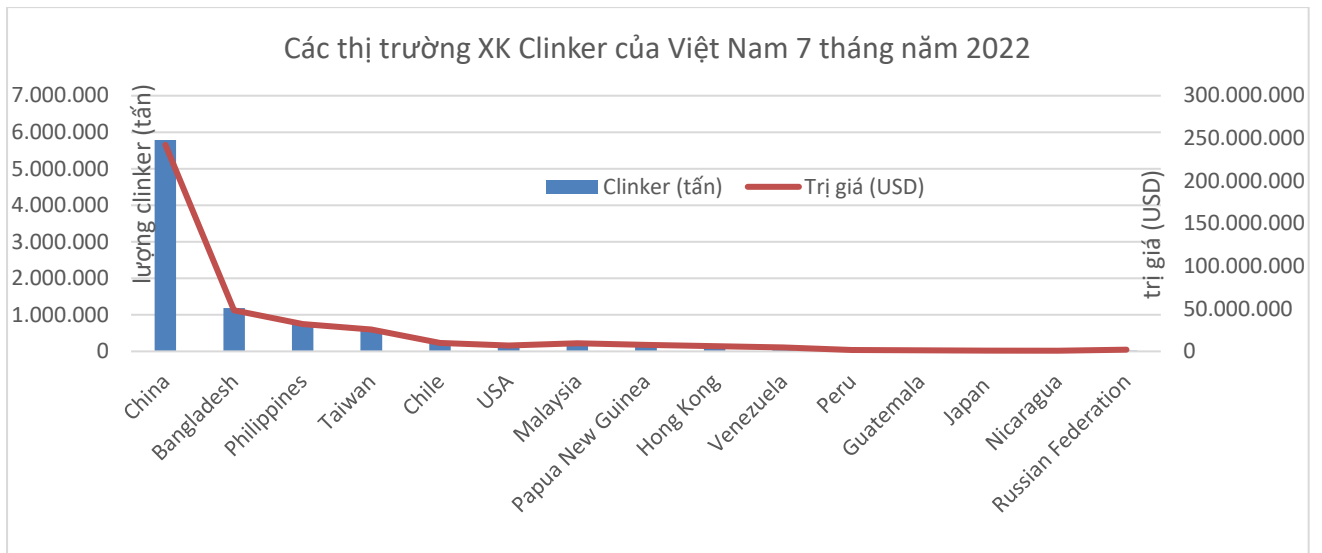
B- XUẤT KHẨU (XK):

1. Lượng XK xi măng và clinker 7 tháng 2022 như sau:



2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 7 tháng năm 2022:

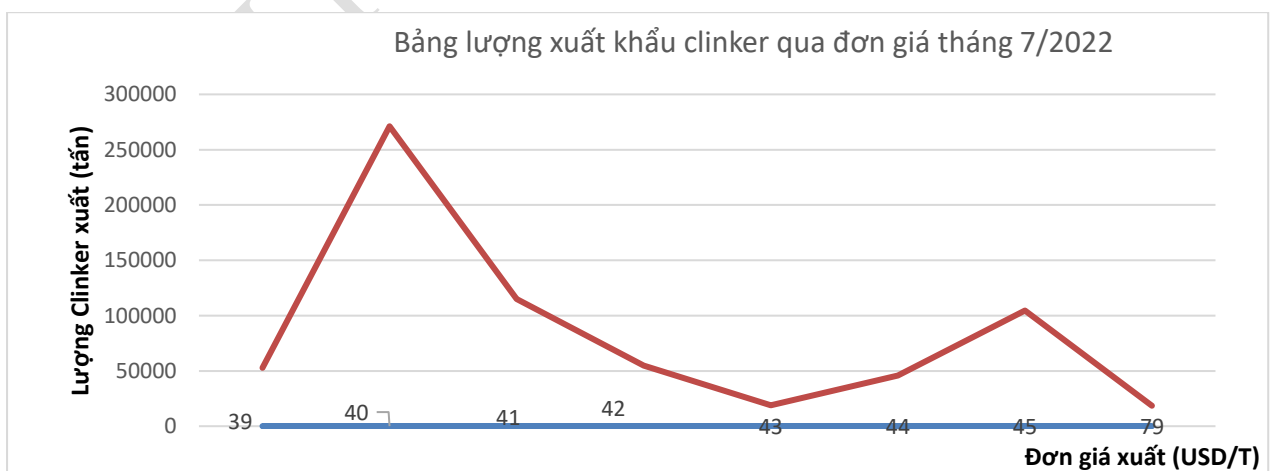


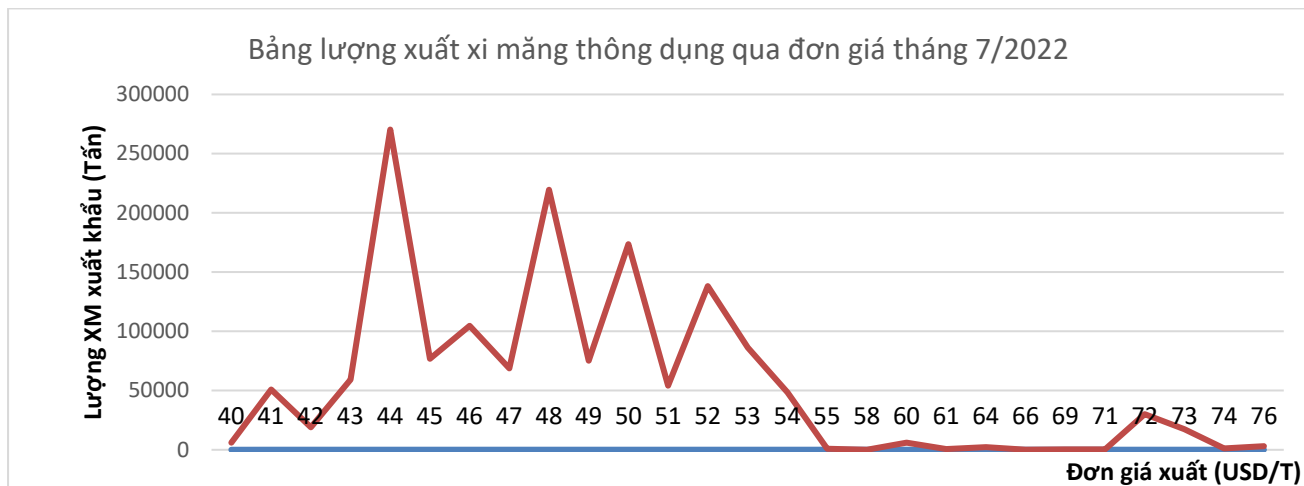


3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 7 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 7/2022 như sau:





C- SX THÁNG 7/2022, KẾ HOẠCH THÁNG 8/2022 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2022:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 7/2022	Lũy kế SX xi măng 2022	Kế hoạch TTND T8/2022	Lũy kế TTND năm 2022
A	Khối VICEM	1,967,131	14,784,927	1,804,100	12,842,724
1	Vicem Hải Phòng	153,669	1,023,341	219,000	1,492,735
2	Vicem Hoàng Thạch	309,212	2,294,517	340,000	2,377,683
3	Vicem Bút Sơn	223,830	1,835,179	241,000	1,680,342
4	Vicem Tam Điệp	67,981	732,609	0	0
5	Vicem Bỉm Sơn	189,493	1,905,596	238,600	1,748,638
6	Vicem Hoàng Mai	110,441	962,304	106,500	794,766
7	Vicem Hải Vân	43,660	314,463	8,000	63,976
8	Vicem Hà Tiên	589,515	3,796,491	522,000	3,873,176
9	Vicem Hạ Long	190,630	1,300,374	126,000	807,416
10	Vicem Sông Thao	88,700	620,052	3,000	958
B	Khối LD	1,383,434	9,805,458	1,336,960	8,970,598
1	XM Nghi Sơn	372,221	2,833,031	383,300	2,376,769
2	XM Chinfon	226,213	1,620,318	224,700	1,569,198
3	Siam City Cement	390,000	2,680,000	370,000	2,652,000
4	XM Luks(Vietnam)	80,000	545,000	65,000	444,000
5	XM Thăng Long	95,000	715,000	80,000	546,684
6	XM Hệ Dưỡng	25,000	162,109	15,960	143,211
7	SCG VN	195,000	1,180,000	180,000	1,123,946
8	XM Phúc Sơn	0	70,000	18,000	114,790
C	Khối các Cty xm khác	3,100,000	22,150,000	1,900,000	15,385,000
	Toàn XH: (A+B+C)	6,450,565	46,740,385	5,041,060	37,198,322

Đánh giá:

- TTND tháng 7/2022: 5.199.736 tấn bằng 106% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 93% so với tháng 6/2022.

- Tổng TTNĐ 7 tháng năm 2022 đạt 37.198.322 tấn tương đương với cùng kỳ 2021.
- Xuất khẩu tháng 7/2022: 2.214.034 tấn bằng 69% so với cùng kỳ 2021, bằng 161% so với tháng 6 (trong đó xi măng 1.532.320 tấn bằng 79% so với cùng kỳ 2021, 136% so với tháng 6/2021 và clinker là 681.714 tấn bằng 21% so với cùng kỳ 2021, bằng 272% so với tháng 6/2022).
- Tổng lượng xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2022 đạt: 19.267.188 tấn bằng 80% so với cùng kỳ năm 2021 (trong đó xi măng 9.746.317 tấn bằng 103% so với cùng kỳ, clinker là 9.520.871 tấn bằng 65% so với cùng kỳ 2021).
- TTNĐ và xuất khẩu tháng 7/2022: 7.413.770 tấn bằng 91% so với cùng kỳ năm 2021, bằng 106% so với tháng 6.
- Tổng TTNĐ và XK 7 tháng đầu năm 2022 đạt 56.465.510 tấn giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021.